

LẠM PHÁT

& Những nền kinh tế Lạm phát điển hình

TS - NGUYỄN ĐẠI LAI

P. VU TRƯỞNG VU CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

I. CÁC QUAN ĐIỂM VỀ LẠM PHÁT

Theo quan điểm của các nhà kinh tế học cổ điển và cận đại thì lạm phát dưới chủ nghĩa tư bản là sự tràn ngập trên các kênh lưu thông một khối lượng dấu hiệu giá trị (tiền giấy) quá thừa, dẫn đến làm mất giá từng phần dấu hiệu giá trị so với mệnh giá danh nghĩa của nó. Khi đó các nhà kinh tế cho rằng khối lượng tiền bơm ra lưu thông (Kc) lớn hơn khối lượng tiền cần thiết hay sức hấp thụ của thị trường hàng hóa (Kt); Biểu hiện của hiện tượng này là tiền giấy mất giá so với hàng, với vàng, với ngoại tệ. Người dân không muốn giữ tiền và không muốn đem tiền đến gửi tại các NH mà chuyển vào đầu tư trực tiếp hoặc ô ạt rút tiền về để mua sắm bất động sản, tích trữ vàng. Kết quả là hệ thống NH thì thiếu tiền mặt nghiêm trọng, nạn khát nợ trở thành phổ biến trong khi tiền ngoài lưu thông tràn ngập, các nhu cầu vay qua NH bị từ chối vì không có nguồn để đáp ứng- Người có hàng thì mặc sức tăng giá với tốc độ lớn hơn tốc độ lạm phát, người có thu nhập bằng tiền thì bị tước đoạt dần. Cũng theo các nhà kinh tế học cổ điển thì dường như nạn lạm phát dưới chủ nghĩa tư bản là hoàn toàn do ý chí chủ quan của giai cấp bóc lột thông qua quyền thao túng hệ thống các Ngân hàng (trước hết là NH phát hành) gây ra- Từ đó họ đã nhìn lạm phát như một tai họa từ phía thể chế mà muốn khắc phục nó hầu như chỉ có thể thông qua một cuộc cách mạng tư sản (bourgeois revolution).

Theo quan điểm của các nhà kinh tế học hiện đại thì lạm phát là một căn bệnh kinh niên của mọi nền kinh tế hàng hoá- tiền tệ; Nó không có bản chất giai cấp mà chỉ có bản chất kinh tế. Nó có tính thường trực, nếu không thường xuyên kiểm soát, không có những giải pháp chống lạm phát thường trực, đồng bộ và hữu hiệu thì lạm phát có thể xảy ra ở bất cứ nền kinh tế hàng hoá nào với bất kỳ chế độ xã hội nào. Các nhà kinh tế này cho rằng biểu hiện của lạm phát là: *khi mức chung của giá cả hàng hoá và chi phí sản xuất đồng thời tăng lên một cách phổ biến trong một khoảng thời gian đủ dài để nhận rõ xu hướng này*. Với quan điểm này, nếu giá cả chỉ tăng ở một vài nhóm hàng mang tính đột biến hay tính thời vụ thì phải loại bỏ các yếu tố đó theo cách tính chỉ số lạm phát cơ bản- Lạm phát phản ánh thuần túy quan hệ hàng- tiền trên một qui mô phổ biến và có một thời gian đủ dài để khẳng định xu hướng đó.

II. NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG LẠM PHÁT

Lạm phát bao gồm một tổ hợp rất nhiều nhân tố trong đó có thể chia ra thành 4 nhóm chủ yếu. Riêng Lạm phát do *bất ổn định về kinh tế - chính trị - xã hội*, không đề cập trong bài viết này.

1. Lạm phát do cầu kéo

Thực chất là do sự mất cân đối về cung- cầu hàng hoá dịch vụ mà trong đó cầu có khả năng thanh toán lớn hơn so với cung hàng hoá hoặc tốc độ gia tăng tổng phương tiện thanh toán lớn hơn tốc độ gia tăng của sản xuất- kết quả là trên thị trường, hàng hoá khan hiếm tương đối so với tiền do đồng thời cả hai nhóm nguyên nhân hàng và tiền: Nền sản xuất lạc hậu, kém phát triển, năng suất lao động thấp, năng lực sản xuất đã hầu như đạt tới giá trị sản lượng tiềm năng trong điều kiện trình độ hiện tại nhưng tiền vẫn được bơm ra quá sức hấp thụ thông qua các van: Chi ngân sách quá lớn so với nguồn thu; mở quá rộng biên độ của hạn mức tín dụng; tỷ lệ dự trữ bắt buộc quá nhỏ; lãi suất tái cấp vốn quá thấp; hệ thống thị trường vốn vừa thiếu, vừa không hoàn hảo trong khi ngoại tệ tràn vào nhiều càng tạo thành những "hộp lực" kích cầu lên cao hơn so với cung...;

2. Lạm phát chi phí đẩy

Là hiện tượng mặt bằng giá cả thị trường bị đẩy lên do chi phí sản xuất gia tăng quá mức trung bình mà nền kinh tế có thể chịu đựng được: Tăng giá nguyên, nhiên vật liệu; Tốc độ tăng tiền lương lớn hơn tốc độ tăng năng suất lao động quân bình; Chi phí khấu hao lớn trong khi thiết bị lại lạc hậu, tiêu tốn nhiều nguyên liệu và sức lao động nhưng năng suất thấp; Chi phí gián tiếp chiếm tỷ trọng quá cao trong tổng chi phí cho phép làm cho (C+V) chiếm tỷ trọng quá lớn trong tổng giá cả (C+V+M). Đặc điểm của loại lạm phát chi phí đẩy là thường diễn ra trong điều kiện nền sản xuất chưa đạt tới mức giá trị sản lượng tiềm năng so với năng lực hiện tại. Lạm phát này xuất hiện thường đồng thời kéo tốc độ suy thoái kinh tế rất nhanh và khó khắc phục hơn nhiều so với chống lạm phát cầu kéo...;

3. Lạm phát do mất cân đối cơ cấu kinh tế

Nó xuất hiện khi có quan hệ không bình thường trong các cân đối cơ bản của nền kinh tế như Công nghiệp- Nông nghiệp, Công nghiệp nặng- Công nghiệp nhẹ; Sản xuất- dịch vụ; Xuất- nhập khẩu và Tích lũy- tiêu dùng... Các quan hệ nói trên không được đặt trong một hoàn cảnh kinh tế cụ thể để có định hướng cân đối một cách hợp lý sẽ lập tức gây ra hiện

tương đồng cũng một bộ phận nguồn lực kinh tế, giữa chúng không chuyển hoá được cho nhau tạo ra một trạng thái vừa thừa, vừa thiếu các năng lực sản xuất một cách giả tạo- Vì vậy, còn có thể gọi nhóm nguyên nhân gây ra loại lạm phát này là sự ách tắc các nguồn vốn- Các lợi thế so sánh giữa các vùng trong nội bộ nền kinh tế và lợi thế so sánh giữa các quốc gia không được khai thác làm cho sức phát triển bị "đóng băng" hoá.

III. CÁC CẤP ĐỘ CỦA LẠM PHÁT

Trong lịch sử thế giới, người ta chia lạm phát ra thành 4 cấp độ khác nhau để có những giải pháp chống lạm phát thích ứng: Các cấp độ của lạm phát gồm:

- Lạm phát ỳ.

Là mức độ lạm phát thấp nhất từ 0% đến không quá vài %- Cấp độ lạm phát này chủ yếu phản ánh tính khách quan tuyệt đối của hiện tượng lưu thông hàng hoá- tiền tệ trong điều kiện chế độ tiền giấy. Lạm phát này có thể lặp đi lặp lại trong một chuỗi thời gian dài và nếu chỉ có nó, người ta có thể chủ động tính vào thành các chỉ tiêu cân bằng trung hoà của nền kinh tế- Người ta chấp nhận và sẵn sàng chung sống hoà bình với loại lạm phát được ví như căn bệnh kinh niên này của lưu thông hàng hoá và lưu thông tiền tệ.

- Lạm phát kiểm soát được hay còn gọi là lạm phát vừa phải.

Là mức độ cao hơn từ trên vài % đến mức lớn hơn không nhiều so với tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm. Đối với loại này thì tùy theo chiến lược và chiến thuật phát triển kinh tế mỗi thời kỳ mà các Chính phủ có thể chủ động định hướng mức khống chế trên cơ sở duy trì một tỷ lệ lạm phát là bao nhiêu để gắn với một số mục tiêu kinh tế khác: Kích thích tăng trưởng kinh tế, tăng cường xuất khẩu và giảm tỷ lệ thất nghiệp trong các năm tài khoá nhất định. Tuy nhiên chỉ có thể chấp nhận có lạm phát vừa phải trong điều kiện nền kinh tế còn chưa đạt tới giá trị sản lượng tiềm năng so với điều kiện hiện tại- Khi mà nhiều nhân tố của sản xuất vẫn còn nằm trong tình trạng ngủ yên hoặc chưa có phương án khả thi để phát huy các tiềm năng đó. Khối tiền tệ chung Châu Âu (EC) và một số nước Bắc Âu như Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch v.v đã điều hành CSTT bằng cơ chế NHTW đảm bảo lạm phát mục tiêu- Nghĩa là NHTW sử dụng công cụ CSTT để duy trì và đảm bảo một mức lạm phát mục tiêu giao động xung quanh một chỉ số CPI được xác định là 2 hoặc 3%/năm và nhỏ hơn tốc độ tăng trưởng GDP trong năm. Cơ chế này đã và đang phát huy nhiều tác dụng tích cực ít nhất trong vòng 5 năm qua.

- Lạm phát phi mã.

Là cấp độ cao thứ 3 có tỷ lệ lạm phát bình quân/năm từ mức trung bình của 2 con số đến đỉnh cao của 3 con số. Đây là tỷ lệ lạm phát vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của NHTW. Giải pháp để chống lại hiện tượng lạm phát này đòi hỏi phải là sự tổng lực của toàn nền kinh tế quốc dân trong các nỗ lực thắt chặt tiền tệ, đẩy mạnh sản xuất, tăng cường đầu tư, thu hút mạnh

các nguồn vốn, kích thích đầu tư trong nước, cải cách lại cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ, tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho lưu thông hàng hoá và đẩy mạnh sản xuất hàng thay thế nhập khẩu để tăng cung cho nội bộ nền kinh tế đang tràn ngập quá mức tổng phương tiện thanh toán...ở nước ta từ năm 1985 đến 1988 đã phải chứng kiến và chống đỡ với cấp độ lạm phát này;

- Siêu lạm phát

Là hiện tượng khủng hoảng kinh tế đã đến mức rất nghiêm trọng- Tỷ lệ lạm phát đã lên đến trên 3 con số- Thậm chí người ta không thể đo lạm phát bằng số % mà là bằng số lần tăng giá trong năm.

Thế giới đã từng kinh hoàng về nạn siêu lạm phát ở Đức trong các năm từ 1921 đến 1923 sau đại chiến thế giới thứ nhất. Đây là mức siêu lạm phát lớn nhất trong lịch sử tiền tệ thế giới tính cho đến nay- Chỉ số giá trong vòng 22 tháng từ 1/1921 đến 11/1923 tăng tới 10 triệu lần; Kho tiền của Đức trong 2 năm đó tăng 7 tỷ lần tổng giá trị danh nghĩa. Tính tước đoạt của cuộc siêu lạm phát này được lượng hoá bằng con số kinh khủng: Nếu ai đó có một tấm ngân phiếu 300 triệu DM thì chỉ sau 2 năm nói trên, giá trị thực của tấm ngân phiếu này hầu như chỉ còn lại là số 0;

Cuộc siêu lạm phát lớn thứ 3 xảy ra ở Mỹ thời kỳ nội chiến 1860- Riêng trong năm 1860 giá cả hàng hoá tăng lên 20 lần = 2000%. Người ta đã miêu tả bằng hình ảnh về cuộc lạm phát này rằng tiền mang đi chợ phải đựng bằng sọt, còn hàng hoá mua được thì bỏ vào túi áo - Mọi hàng hoá trên thị trường trở nên cực kỳ khan hiếm trừ tiền. Tiền hầu như đã trút bỏ mọi chức năng vốn có của nó kể cả chức năng trực tiếp nhất là làm phương tiện lưu thông hàng hoá.

Cuộc siêu lạm phát gần đây nhất và là cuộc lạm phát lớn thứ 2 trong lịch sử kinh tế hàng hoá - tiền tệ thế giới (chỉ sau cuộc siêu lạm phát ở Đức) xảy ra ở Nam Tư bắt đầu từ 5/1992 đến hết năm 1994 khi chính quyền Xecbia không đứng vững được nữa: Chỉ tính riêng tỷ giá 6 tháng cuối năm 1993, giá cả hàng hoá tăng hơn 25 lần- Tiền lương năm 1991 của công chức bình quân 5.300 Đina/tháng tương đương với 400 USD thì năm 1993 tiền lương bình quân tăng lên 2 tỷ Đina/tháng nhưng chỉ tương đương với 6 USD/tháng. Lạm phát đã được lớn lên theo từng giờ- bình quân cứ mỗi giờ giá ngoài thị trường tăng 1%. Sau nhiều lần thay đổi mệnh giá đến 15/2/1993 Chính phủ phải cho phát hành loại giấy bạc mệnh giá 50 tỷ Đina - Nền sản xuất trở nên kiệt quệ và Chính phủ đương nhiệm hầu như bị tan rã hoàn toàn...

Tuy nhiên, siêu lạm phát là một hiện tượng kinh tế cực kỳ hiếm, nó thường xuất hiện gắn liền với các cuộc chiến tranh thế giới hoặc nội chiến khốc liệt. Tất nhiên hiếm không có nghĩa là không xảy ra! Một vài ví dụ điển hình về nạn siêu lạm phát và các cấp độ nguy hiểm của lạm phát như đã trình bày để bổ sung thêm cho nhận thức về lạm phát và xác định những mức độ ảnh hưởng tác động mạnh đến mức nào trong đời sống kinh tế, chính trị xã hội nói chung của mỗi quốc gia trong kinh tế thị trường■